Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8511.10.10

Mã HS	8511.10.10
Mô tả hàng hóa	Thiết bị đánh lửa hoặc khởi động bằng điện loại dùng cho động cơ đốt trong đốt cháy bằng tia lửa điện hoặc cháy do nén (ví dụ, magneto đánh lửa, dynamo magneto, cuộn dây đánh lửa, bugi đánh lửa và bugi sấy, động cơ khởi động); máy phát điện (ví dụ, dynamo, alternator) và thiết bị ngắt mạch loại được sử dụng cùng các động cơ nêu trên / - Bugi đánh lửa: / - - Loại dùng cho động cơ của phương tiện bay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 09:37:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85111010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15170
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15170
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15170
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14473
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14414
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14414
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14414
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14414
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14414
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14414
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14468
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14468
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14468
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14468

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14468
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14468
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14469
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14469
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14469
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14469
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14469
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14469
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14472
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14420
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14428
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14428
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14428
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14428
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14428
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14428
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14459
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14459
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14459
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14459
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14459
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14459
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14514
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14514
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14514
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14514

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14514
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14514
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14491
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14491
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14491
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14491
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14491
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14491
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14491
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14491
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14491
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14491
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14491
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14491
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14506
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14506
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14506
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14506
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14506
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14506
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14505
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14505
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14505
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14505
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14505
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14505

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14498
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14498
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14498
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14498
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14498
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14498
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14498
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14493
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14493
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14493
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14493
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14493
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14493
RCEP B	2022	2022	0	B!D14493
RCEP B	2023	2023	0	B!E14493
RCEP B	2024	2024	0	B!F14493
RCEP B	2025	2025	0	B!G14493
RCEP B	2026	2026	0	B!H14493
RCEP B	2027	2027	0	B!I14493
RCEP C	2022	2022	0	C!D14493
RCEP C	2023	2023	0	C!E14493
RCEP C	2024	2024	0	C!F14493
RCEP C	2025	2025	0	C!G14493
RCEP C	2026	2026	0	C!H14493
RCEP C	2027	2027	0	C!I14493
RCEP D	2022	2022	0	D!D14492

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14492
RCEP D	2024	2024	0	D!F14492
RCEP D	2025	2025	0	D!G14492
RCEP D	2026	2026	0	D!H14492
RCEP D	2027	2027	0	D!I14492
RCEP E	2022	2022	0	E!D14496
RCEP E	2023	2023	0	E!E14496
RCEP E	2024	2024	0	E!F14496
RCEP E	2025	2025	0	E!G14496
RCEP E	2026	2026	0	E!H14496
RCEP E	2027	2027	0	E!I14496
RCEP F	2022	2022	0	F!D14493
RCEP F	2023	2023	0	F!E14493
RCEP F	2024	2024	0	F!F14493
RCEP F	2025	2025	0	F!G14493
RCEP F	2026	2026	0	F!H14493
RCEP F	2027	2027	0	F!I14493
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13484
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13484
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13484
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13484

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8511.10 có 3 dòng thuế; dòng 8511.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại dùng cho động cơ của phương tiện bay.	8511.10.20 Sử dụng cho động cơ ô tô; 8511.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8511.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8511.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15170), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.